

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 383/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26/9/2024

"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly
hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Nhu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Thanh.

Bà Mai Thị Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 289/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 455/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 300/2024/QĐST-HNST ngày 10 tháng 9 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1995;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: **Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương**; nơi cư trú hiện tại: **Đài Loan**.

Người được chị **H** ủy quyền về việc giao, nhận văn bản: Chị **Hà Thu H1**, sinh năm 2001; địa chỉ: **Tổ T, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang**.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H2**, sinh năm 1992;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: **Thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương**; nơi cư trú hiện tại: **Đài Loan**.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Tấn Thị N**, sinh năm 1970; địa chỉ: **Xóm A, thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương**.

(Các đương sự vắng mặt và đều đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị **Nguyễn Thị H** trình bày: Chị và anh **Nguyễn Văn H2** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 25/10/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, anh **H2** chơi bời không quan tâm đến gia đình vợ con. Năm 2018 anh **H2** đi lao động tại Đài Loan, đến năm 2019 chị cũng sang Đài Loan làm việc nhưng vợ chồng không sống cùng nhau, thỉnh thoảng anh chị có gặp nhau nhưng do mâu thuẫn về kinh tế nên anh chị tiếp tục xảy ra đánh, cãi chửi nhau. Vợ chồng không gặp nhau, không quan tâm đến nhau và đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **Nguyễn Văn H2**.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là **Nguyễn Thị Tường V**, sinh ngày 28/12/2017. Hiện con đang ở với bà **Tấn Thị N** (là bà nội). Chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi và tự nguyện không yêu cầu anh **H2** phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trường hợp anh **H2** cũng có nguyện vọng được nuôi con thì chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh **H2** không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện chị **H** đang lao động tại Đài Loan nên chị ủy quyền cho chị **Hà Thu H1** thay chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Do chị **H** không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh **H2** nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh **H2**. Bà **Tấn Thị N** (là mẹ đẻ anh **H2**) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh **H2** ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh **H2** vẫn liên lạc với gia đình qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh **H2** biết. Anh **H2** xác định vợ chồng cùng có thời gian đi lao động tại Đài Loan, nhưng vợ chồng mỗi người sống một nơi, thỉnh thoảng mới gặp nhau. Thời gian gần đây chị **H** có biểu hiện không chung thủy với anh nên vợ chồng không gặp nhau và không quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị **H** có đơn xin ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí. Anh xác định vợ chồng có 01 con chung như chị **H** trình bày là đúng, anh đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung **Nguyễn Thị Tường V** cho đến khi con thành niên và tự nguyện không yêu cầu chị **H** phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian anh không có

mặt ở Việt Nam, anh ủy quyền cho mẹ đẻ là bà **Tân Thị N** thay anh chăm sóc con chung cho đến khi anh về nước. Tài sản chung, nợ chung không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Bà **Tân Thị N** là mẹ đẻ anh **Nguyễn Văn H2** trình bày: Bà nhất trí nuôi dưỡng, chăm sóc cháu **Nguyễn Thị Tường V** cho đến khi anh **H2** về nước.

*Người được chỉ **H** ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án - chị **Hà Thu H1** trình bày:* Chị nhất trí nhận ủy quyền của chị **H**, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, chị đã thông báo cho chị **H** biết, chị **H** vẫn giữ nguyên quan điểm trong đơn xin ly hôn chị đã trình bày và đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án; về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Nguyễn Thị H** ly hôn anh **Nguyễn Văn H2**; về con chung: Giao con chung **Nguyễn Thị Tường V** cho anh **H2** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, anh **H2** tự nguyện không yêu cầu chị **H** phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; Tạm giao cháu **Nguyễn Thị Tường V** cho bà **Tân Thị N** chăm sóc cho đến khi anh **H2** về nước. Chị **H** phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị H** và bị đơn anh **Nguyễn Văn H2** có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại **thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương**. Hiện anh chị đang lao động, sinh sống tại **Đài Loan**. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Mặc dù chị **H** không có mặt ở Việt Nam nhưng chị đã gửi đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, bản tự khai và ủy quyền cho chị **Hà Thu H1** nộp đơn đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Đơn của chị đã được **Văn phòng K** tại **Đ** chứng thực. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định quan điểm ly hôn của chị là hoàn toàn tự nguyện. Các đương sự đều có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị H** và anh **Nguyễn Văn H2** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 25/10/2016 là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của các đương sự, có đủ cơ sở xác định trong quá trình chung sống, chị **H** và anh **H2** đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống xa nhau nên không có sự tin tưởng đối với nhau, anh chị không quan tâm đến nhau và đã sống ly thân từ lâu. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo và hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị **H** có đơn xin ly hôn, anh **H2** cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **H** và anh **H2** đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị **H** ly hôn anh **H2**.

[4] Về quan hệ con chung: Con chung của chị **H** và anh **H2** là cháu **Nguyễn Thị Tường V**, sinh ngày 28/12/2017, hiện đang ở với bà **Tấn Thị N**. Chị **H** và anh **H2** thống nhất giao con chung cho anh **H2** chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, anh **H2** tự nguyện không yêu cầu chị **H** phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian anh **H2** không có mặt ở Việt Nam, anh chị thống nhất giao con chung cho bà **N** chăm sóc cho đến khi anh **H2** về nước. Bà **Tấn Thị N** nhất trí thay anh **H2** chăm sóc cháu **Nguyễn Thị Tường V** cho đến khi anh **H2** về Việt Nam. Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do vậy, cần chấp nhận thỏa thuận của anh chị giao con chung **Nguyễn Thị Tường V** cho anh **H2** chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Tạm giao cháu **Nguyễn Thị Tường V** cho bà **N** chăm sóc cho đến khi anh **H2** về nước.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị **H**, anh **H2** cùng xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị **Nguyễn Thị H** phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị H**, xử cho chị **Nguyễn Thị H** ly hôn anh **Nguyễn Văn H2**.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho anh **Nguyễn Văn H2** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là **Nguyễn Thị Tường V**, sinh ngày 28/12/2017 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi); anh **H2** tự nguyện không yêu cầu chị **H** phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu **Nguyễn Thị Tường V** cho bà **Tấn Thị N** nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi anh **H2** về nước.

Chị **Nguyễn Thị H** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị H** phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0000752 ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do anh **Vũ Văn T** nộp thay), chị **H** đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị **Nguyễn Thị H** và anh **Nguyễn Văn H2** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, bà **Tấn Thị N** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Tiên Động, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Hương Nhu